

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Vương Đạo.

Bà Lê Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Mộng K, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng K1, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mộng K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị K và anh Nguyễn Hoàng K1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T) vào năm 2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2021, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K1 không biết chăm lo kinh tế gia đình và còn ngoại tình. Chị K đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên anh chị đã sống ly thân. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không còn nên chị K yêu cầu được ly hôn với anh K1.

- Về con chung: Chị K và anh K1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 24/6/2003, cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 28/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh T3, sinh ngày 17/02/2022. Hiện nay cháu T1 đã thành niên, chị K chỉ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2 và cháu T3, không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị K không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị K không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng K1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh K1 không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị K có đơn xin vắng mặt và bị đơn anh K1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Hoàng K1 có nơi cư trú tại ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mộng K có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Hoàng K1 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị K, anh K1.

[3] Về hôn nhân: Chị K và anh K1 chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện G (nay là huyện T), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 04/3/2002 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị K và anh K1 xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh K1 vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh K1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị K.

Thấy rằng, giữa chị K và anh K1 không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị K và anh K1 đã trầm trọng, hạnh phúc hôn

nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị K và anh K1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Quốc T1, sinh ngày 24/6/2003, cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 28/3/2007 và cháu Nguyễn Thị Anh T3, sinh ngày 17/02/2022. Khi ly hôn, đối với cháu T1 đã thành niên, chị K không có yêu cầu gì, riêng đối với cháu T2 và cháu T3, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh K1 trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị K, nhưng anh K1 không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do anh K1 vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị K về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với chị K và cháu T3 chỉ được gần 07 tháng tuổi, do đó để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của các cháu nên cần thiết giao cả cháu T2 và cháu T3 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này chị K và anh K1 có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị K là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mộng K, chị K được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Anh T2, sinh ngày 28/3/2007 và cháu Nguyễn Thị anh T3, sinh ngày 17/02/2022 cho chị Lê Thị Mộng K trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hoàng K1 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Hoàng K1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mộng K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008256 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị K đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị K, anh K1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm